

Bản án số: 217/2021/HC-PT

Ngày: 27/10/2021

V/v “*Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm

Các thẩm phán: Ông Võ Ngọc Thông

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 147/2021/TLPT-HC ngày 19 tháng 02 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 29/2021/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo và kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 185/2021/QĐPT-HC ngày 04 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Đỗ Xuân T; địa chỉ tạm trú: 59/5 L, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Địa chỉ thường trú: thành phố Hồ Chí Minh, có mặt

*** Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt

Người bảo vệ quyền lợi và ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Trọng B – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lê Thị Hồng L; địa chỉ: 59/5 L, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh

Hòa, vắng mặt (ủy quyền cho ông Đỗ Xuân T). Ông T có mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại D, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố N:

- Ông Vũ Văn H, Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố N.
- Ông Nguyễn Duy T, Nhân viên Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố

N.

Cùng địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, đều có đơn xin xử vắng mặt

- Bà Hồ Thị H, Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N.

- Bà Đỗ Thị Bích L, Nhân viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N.

Cùng địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, đều có đơn xin xử vắng mặt

3. Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Đình T - Công chức địa chính xây dựng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Đỗ Xuân T.

Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc nhà, đất thuộc một phần thửa đất số 22 địa chỉ tổ 32-33 S, phường V, thành phố N bị thu hồi để thực hiện dự án cơ sở hạ tầng Khu dân cư 32-33 V, thành phố N là do bà Võ Thị Đ bán lại cho ông Hồ X năm 1980. Đến ngày 14/9/2000, ông Hồ X bán lại cho ông Đỗ Xuân T với diện tích cả nhà và đất là 90m², có mốc giới rõ ràng chứ không phải là 236,3m² theo như Giấy xác nhận số 445/GXN-UBND ngày 23/10/2013 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) phường V. Việc mua bán nhà, đất nói trên ông nhờ cha, mẹ là ông Đỗ Xuân H và bà Lê Thị Hồng L đứng tên hộ, đến năm 2001 thì cha, mẹ ông làm giấy tay cho tặng lại cho ông. Ông sinh sống tại căn nhà này 17 năm nay, vì khó khăn ông phải vào thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn, đến cuối tuần thì về lại đây. Nhà và đất bị thu hồi để thực hiện dự án Cơ sở hạ tầng Khu dân cư 32-33 V, thành phố N thuộc quyền sở hữu của ông chứ không phải của cha, mẹ ông nên việc UBND thành phố N ban hành các quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với cha, mẹ ông là không đúng. Các quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải được ban hành đối với ông, ông phải là người được nhận tiền bồi thường và phải được UBND thành phố N cấp đất tái định cư. Ông khiếu nại nội dung này thì Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 4815/QĐ-UBND ngày 05/8/2016 và Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 giải quyết khiếu

nại với nội dung bác khiếu nại của ông là không đúng. Vì vậy, ông yêu cầu hủy Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa.

Tại Văn bản số 4157/UBND-NC ngày 06/5/2019, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa trình bày:

Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng: Vào năm 2000 ông Đỗ Xuân T có mua căn nhà và đất của ông Hồ X và bà Nguyễn Thị T tại tổ 32-33 S, phường V, thành phố N, nhưng để cho cha mẹ là ông Đỗ Xuân H và bà Lê Thị Hồng L đứng ra ký giấy tờ mua bán, hợp đồng mua bán nhà lập ngày 14/9/2000, được UBND phường V xác nhận ngày 15/5/2001, theo đó diện tích căn nhà ở là 29m² (bao gồm công trình phụ) và diện tích đất là 60m². Sau đó ông H, bà L làm giấy tay ghi ngày 16/12/2001 cho lại nhà đất nói trên cho con là ông Đỗ Xuân T sử dụng. Bà L được nhờ trông coi nhà đất khi ông T đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh.

Về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Đỗ Xuân H và bà Lê Thị Hồng L: Ngày 29/01/2011, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 374/QĐ-UBND thành lập Hội đồng kiểm kê, đo đạc xác định diện tích đất bị thu hồi, tài sản bị thiệt hại để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ dân cổ tình không hợp tác kê khai, kiểm kê. Ngày 02/3/2011, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án lập Biên bản kiểm kê khối lượng bồi thường, giải tỏa của bà Lê Thị Hồng L đối với thửa đất số 22 - diện tích 185,9m² và các công trình vật kiến trúc, cây trồng có trên thửa đất (kiểm đếm bắt buộc). Ngày 23/10/2013, UBND phường V có Giấy xác nhận số 445/XN-UBND về thửa đất bị thu hồi để phục vụ công tác bồi thường giải tỏa, nội dung: Căn nhà và đất tại địa chỉ tổ 32-33 S-V do vợ chồng ông Hồ X - bà Nguyễn Thị T tự tạo lập dựng nhà ở năm 1998 sử dụng và quản lý đến năm 2000 vợ chồng ông Hồ X chuyển nhượng lại nhà đất cho ông Đỗ Xuân H và bà Lê Thị Hồng L với diện tích 236,3m² (bao gồm phần diện tích các ngôi mộ). Diện tích thực tế đang sử dụng là 185,9m² chênh lệch giảm 50,4m do tách phần diện tích các ngôi mộ trên đất gồm các thửa 26, 27, 28, 29.

Căn cứ để xác nhận là dựa vào bản đồ số 230/2001 và biên bản xác minh. Ngày 05/3/2014, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 666/QĐ-UBND thu hồi đất của hộ ông Đỗ Xuân H và bà Lê Thị Hồng L, diện tích đất thu hồi là 185,9m² thuộc thửa số 12+24, 26 (01 phần) tờ bản đồ địa chính số 10 năm 1997 phường V, tương ứng với thửa số 22-Trích đo địa chính khu đất số 84/2011/TĐBĐ ngày 20/7/2011, tỉ lệ 1/500 do Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Xây dựng T lập được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 20/7/2011. Ngày 19/3/2014, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 700/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Đỗ Xuân H và bà Lê Thị Hồng L, tổng số tiền là 714.933.847 đồng gồm: Bồi thường đất ở: 150m² x 7.500.000đ/m² x 50% = 562.500.000đ; Bồi thường đất nông nghiệp: 26,7m² x 36.000đ/m² = 961.200đ; hỗ trợ đất nông nghiệp: 26,7m² X 7.500.000đ/m² X 60% = 120.150.000đ; nhà cột kèo gỗ, mái tôn, vách cốt nền xi

măng diện tích 17,8m², các công trình phụ khác như nhà tắm, móng đá chẻ, giếng, sân xi măng, hàng rào lưới thép, cây trồng được bồi thường 100% đơn giá; về tái định cư: Hộ bà L không được bố trí tái định cư.

Qua kết quả kiểm tra và xem xét toàn bộ hồ sơ vụ việc, Chủ tịch UBND tỉnh nhận thấy, theo Giấy xác nhận số 445/XN-UBND ngày 23/10/2013 của UBND phường V: Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 10 trích đo địa chính khu đất số 84/2011/TĐBĐ do Công ty TNHH T xác lập được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 20/7/2011, địa chỉ Tổ 32-33 S, V, thành phố N do vợ chồng ông Hồ X và bà Nguyễn Thị T tự tạo dựng nhà ở năm 1998 và quản lý đến năm 2000, vợ chồng ông Hồ X, bà Nguyễn Thị T chuyển nhượng nhà và đất lại cho ông Đỗ Xuân H và bà Lê Thị Hồng L với diện tích 236,3m² (bao gồm: phần diện tích các ngôi mộ), loại đất ở. Diện tích hiện nay sau khi đo đạc thực tế là 185,9m² chênh lệch giảm 50,4m² do tách thửa 26, 27, 28, 29 (các thửa này gồm các phần mộ), hiện không có tranh chấp. Trong thời gian triển khai thực hiện dự án Cơ sở hạ tầng Khu dân cư tổ 32-33 V, thành phố N do hộ bà Lê Thị Hồng L không hợp tác trong việc kê khai tài sản trên thửa đất đang sử dụng bị thu hồi toàn bộ. Năm 2011, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư thành phố N đã quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê, đo đạc xác định diện tích đất bị thu hồi, tài sản thiệt hại để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ dân cố tình không hợp tác kê khai và tiến hành tổ chức kiểm kê theo trình tự, thủ tục quy định. Tại Giấy xác minh nguồn gốc đất ngày 17/5/2015 do bà Lê Thị Hồng L tự làm giấy xác minh nguồn gốc đất và nhờ các hộ dân trong khu dân cư sinh sống trước năm 1992 xác minh cho bà “Vào ngày 14/9/2000, ông Hồ X (67 tuổi) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1954) sang nhượng lại cho tôi thửa đất tổng diện tích 65m² (Đông giáp: bà Đặng Thị B; Tây giáp: Lối đi rộng 02m; Nam giáp lối đi rộng 2,7m; Bắc giáp: hộ ông Võ Văn Phong)”. Do đó, UBND thành phố N đã thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Đỗ Xuân H (chết) và bà Lê Thị Hồng L theo các Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 05/3/2014, Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 là phù hợp với hồ sơ tài liệu, hiện trạng sử dụng đất của hộ ông H (chết), bà L và quy định tại Điều 30, 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ. Đến cuối năm 2015, ông T mới có đơn ghi ngày 13/10/2015, 05/11/2015, 21/12/2015, 29/01/2016 (kèm theo Giấy cho nhà đất bằng viết tay vào năm 2001 của vợ chồng ông Đỗ Xuân H, bà Lê Thị Hồng L cho con trai là Đỗ Xuân T với diện tích đất và nhà ở là 75m²) yêu cầu UBND thành phố N ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường và tái định cư cho ông T đối với phần diện tích theo giấy tờ cho nhà đất nói trên là không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì phần đất này đã được thu hồi, bồi thường cho hộ ông Đỗ Xuân H (chết) và bà Lê Thị Hồng L theo quy định pháp luật. Do vậy, sau khi tổ chức đối thoại với ông Đỗ Xuân T, Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Đỗ Xuân T với nội dung bác đơn khiếu nại, công nhận Quyết định 4815/QĐ-UBND là đúng quy định. Vì vậy, Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố N trình bày:

Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Đỗ Xuân H và bà Lê Thị Hồng L được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Căn cứ Quyết định số 101/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa thì hộ bà L không được bố trí tái định cư vì hộ bà L đã có nhà, đất khác tại phường V. Đối với việc ông T yêu cầu UBND thành phố N ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường và tái định cư đối với diện tích 75m² đất ở cho ông thay vì thu hồi, bồi thường cho ông Đỗ Xuân H, bà Lê Thị Hồng L thì UBND thành phố N căn cứ vào Giấy xác minh nguồn gốc đất ngày 17/5/2015 do bà L tự làm có nội dung “Vào ngày 14/9/2000, ông Hồ X (67 tuổi) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1954) sang nhượng lại cho tôi thửa đất tổng diện tích 65m²...” để ban hành quyết định thu hồi đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông H, bà L là phù hợp với hồ sơ, tài liệu, hiện trạng sử dụng đất của hộ ông, bà. Đến cuối năm 2015, ông T mới có đơn yêu cầu UBND thành phố N ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường và tái định cư cho ông T đối với phần diện tích theo giấy cho nhà đất viết tay năm 2001 của ông H, bà L cho ông T với diện tích 75m² là không có cơ sở vì phần đất này đã được thu hồi, bồi thường cho hộ ông H, bà L theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của UBND phường V trình bày:

Theo Giấy xác nhận số 445/XN-UBND của UBND phường V về thửa đất bị thu hồi để phục vụ công tác bồi thường, giải tỏa thì thửa đất số 22, tờ bản đồ số 10 trích đo địa chính khu đất số 84/2011/TĐBĐ do Công ty TNHH T xác lập được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 20/7/2011, địa chỉ Tổ 32-33 S; V, thành phố N do vợ chồng ông Hồ X và bà Nguyễn Thị T tự tạo dựng nhà ở năm 1998 và quản lý đến năm 2000, vợ chồng ông Hồ X, bà Nguyễn Thị T chuyển nhượng nhà và đất lại cho ông Đỗ Xuân H và bà Lê Thị Hồng L với diện tích 236,3m² (bao gồm: phần diện tích các ngôi mộ), loại đất ở. Diện tích hiện nay sau khi đo đạc thực tế là 185,9m² chênh lệch giảm 50,4m² do tách thửa 26, 27, 28, 29 (các thửa này gồm các phần mộ), hiện không có tranh chấp. Những nội dung khác liên quan đến việc kê khai sử dụng, đóng thuế đối với thửa đất này UBND phường V không nắm.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 29/2021/HC- ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Quyết định số 101/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác đơn khởi kiện của ông Đỗ Xuân T về việc hủy Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/12/2019, người khởi kiện ông Đỗ Xuân T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Ngày 09/12/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 274/QĐ-VKS-HC đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án hành chính sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Đỗ Xuân T giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 274/QĐ-VKS-HC ngày 09/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Ông Đỗ Xuân T cho rằng, Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa giải quyết khiếu nại với nội dung bác yêu cầu khiếu nại của ông là không đúng, xâm phạm đến quyền lợi của ông nên ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm nói trên của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa; Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Xuân T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục: Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt; người khởi kiện và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án. Xét việc vắng mặt của một số đương sự không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa thì thấy: Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa căn cứ Quyết định số 01/QĐ-CTUBND ngày 25/9/2017 quy định về việc phân công công tác của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2011-2016 và 2016-2021 để cho rằng Phó Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa ký các văn bản trình bày ý kiến, phân công người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa là phù hợp với nhiệm vụ được phân công

là không đúng. Bởi lẽ, việc phân công công tác theo các quyết định nói trên là nhằm giải quyết công việc ở địa phương, không có phân công tham gia tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện ông Đỗ Xuân T không đồng ý tạm ngừng phiên tòa để Tòa án thu thập giấy ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa cho Phó Chủ tịch và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án luôn. Hơn nữa, sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/4/2021 Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa có văn bản số 2721/UBND-NC và ngày 21/6/2021 Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa có Văn bản số 5429/UBND-NC nêu quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa đối với vụ án, đồng thời đăng ký cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Như vậy, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án có vi phạm thủ tục tố tụng, nhưng quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm đã được khắc phục nên không cần thiết hủy án sơ thẩm để kéo dài vụ án.

Đối với việc ông Đỗ Xuân T tố cáo hành vi “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, gây hậu quả nghiêm trọng” của một số cán bộ Nhà nước có trách nhiệm trong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ 32-33 S, phường V, thành phố N thì tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện ông T khai: Việc khiếu nại, tố cáo này không liên quan, tôi chỉ cung cấp thông tin cho Tòa biết thôi. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 274/QĐ-VKS-HC ngày 09/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ khoản 2 Điều 229 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Xuân T thì thấy: Theo Giấy xác nhận số 445/XN-UBND ngày 23/10/2013 của UBND phường V thì phần diện tích đất 75m² liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Xuân T là do vợ chồng ông Hồ X và bà Nguyễn Thị T tự tạo dựng nhà ở năm 1998 sử dụng và quản lý, đến năm 2000 vợ chồng ông Hồ X chuyển nhượng nhà đất lại cho ông Đỗ Xuân H và bà Lê Thị Hồng L với diện tích 236,3m² (bao gồm phần diện tích các ngôi mộ), loại đất ở. Diện tích đất thực tế đang sử dụng 185,9m². Diện tích đất chênh lệch giảm 50,4m² do tách thửa 26, 27, 28, 29 (các thửa đất này gồm các phần mộ).

Tại Giấy xác minh nguồn gốc đất lập ngày 17/5/2015 của bà Lê Thị Hồng L có ghi: Ngày 14/9/2000, ông Hồ X 67 tuổi, bà Nguyễn Thị T sinh năm 1954 sang nhượng lại cho tôi thửa đất tổng diện tích 65m². Đông giáp bà Đặng Thị B; Tây giáp lối đi (rộng 2m); Nam giáp lối đi (rộng 2,7m); Bắc giáp hộ ông Võ Văn P. Nguồn gốc đất là do ông X và bà T đã khai phá trước năm 1992 làm nhà ở sinh sống (làng biển)... Vậy hôm nay tôi làm giấy xác minh này nhờ các hộ dân trong khu dân cư sinh sống trước năm 1992 xác minh cho tôi. Nội dung trên là

đúng sự thật, nhờ các cơ quan xem xét (có một số hộ dân ký xác nhận). Như vậy, việc UBND thành phố N ban hành quyết định thu hồi đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Đỗ Xuân H và bà Lê Thị Hồng L là phù hợp với hồ sơ, tài liệu, hiện trạng sử dụng đất, việc kê khai bồi thường, hỗ trợ của hộ ông H, bà L. Do hộ gia đình ông H, bà L đã có nhà, đất tại phường V nên không được bố trí tái định cư.

Ông Đỗ Xuân T cho rằng, ông là người mua đất và cha mẹ ông đã làm giấy cho nhà đất viết tay năm 2001 cho ông. Nhưng xét, hợp đồng mua bán nhà ở ngày 14/9/2000 thì bên mua nhà là ông Đỗ Xuân H và bà Lê Thị Hồng L. Còn giấy cho nhà lập ngày 16/12/2001 không có chứng thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ông T cũng không đăng ký, kê khai. Hơn nữa, vào thời điểm thu hồi đất, ông T có hộ khẩu ở thành phố Hồ Chí Minh chứ không phải ở tại địa chỉ bị giải tỏa nên việc khiếu nại của ông T là không có căn cứ. Vì vậy, bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa tuyên xử bác đơn khởi kiện của ông Đỗ Xuân T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đỗ Xuân T (lần hai) là có cơ sở, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Xuân T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đỗ Xuân T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 274/QĐ-VKS-HC ngày 09/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa

2. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Xuân T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 30, khoản 1 Điều 32, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác đơn khởi kiện của ông Đỗ Xuân T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa.

3. Về án phí: ông Đỗ Xuân T phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm và 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm; được trừ 600.000đ ông T đã

nộp lại các biên lai thu tiền số 0000817 ngày 15/3/2019 và số 0001097 ngày 20/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm